MOVERS PRACTICE 14

I. Chọn dấu hiệu nhận biết của thì QUÁ KHỨ ĐƠN

at the moment last month
now 2 days ago at present
always every yesterday
last night never sometimes
once a week Look! last week

II. Chọn đáp án đúng

1. Thì quá khứ đơn dùng để:

A. Diễn tả 1 sự thật, chân lý
B. Diễn tả 1 việc đang xảy ra ngay bây giờ
C. Diễn tả 1 việc đã xảy ra và chấm dứt trong quá khứ

2. "to be" trong quá khứ đơn:

A. is/ am/ are B. was/ were

3. I/ He/ She/ It đi với:

A. was B. were

LIVEWORKSHEETS

4. **You/ We/ They đi với:**
   A. was B. were

5. **Phủ định của was/ were thì:**
   A. Thêm NOT vào was/ were
   B. Mượn trợ động từ
   C. Không làm gì cả

6. **Câu hỏi có was/ were thì**
   A. Đẩy trợ động từ ra trước
   B. Đẩy was/ were ra trước
   C. Không làm gì cả

III. Sử dụng was/ were/ wasn't/ weren't

1. I _____(be) at school this morning.

2. _____(be) you sleepy last night?
   → Yes, I _____

LIVEWORKSHEETS

3. My mom _____(not/be) at home yesterday. She _____(be) at work.

4. Where _____(be) your dad 2 hours ago?
→ He _____ (be) in the living room.

5. They _____(not/ be) surprised last week. They _____(be) tired.

6. _____(be) the snake hungry 15 minutes ago?
→ No, it _____

7. How _____(be) your teacher this afternoon?
→ She _____ (be) angry.

LIVEWORKSHEETS

8. We _____(not/ be) very happy last week because my parents _____ (be) angry.

9. She _____(not/ be) a good girl this morning because she _____ (be) very noisy.

10. Why _____(be) they hungry last night?

11. _____your brothers at school this morning?

→ No, they _____. They _____at the zoo.

12. My grandpa _____(not/be) fine. He _____(be) sick.

LIVEWORKSHEETS

13. We_____(be) wet yesterday because the weather _____(be) rainy.

IV. Thêm " ed" vào các động từ sau

1. Study→_____
2. Play→_____
3. Live→_____
4. Fix→_____
5. Hop→_____
6. Call→_____
7. Stay→_____
8. Open→_____
9. Walk→_____
10. Dance→_____
11. Cook→_____
12. Skip→_____
13. Skate→_____
14. Listen→_____
15. Wash→_____
16. Kick →_____
17. Close→_____
18. Clean→_____

LIVEWORKSHEETS

19. Try→_____
20. Climb→_____
21. Love→_____
22. Start→_____
23. Stop→_____
24. Cry→_____
25. Work→_____
26. Want→_____
27. Fish→_____
28. Smoke→_____
29. Finish→_____
30. Type→_____

----------THE END----------

LIVEWORKSHEETS